

# Phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Ngô Văn Hà\*

Nhận ngày 10 tháng 8 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 1 năm 2023.

**Tóm tắt:** Thời gian qua, giáo dục đại học có bước phát triển mạnh mẽ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao với số lượng lớn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của giáo dục đại học Việt Nam còn thấp so với yêu cầu thực tiễn, cơ cấu đào tạo chưa hợp lý giữa các ngành nghề lao động và các địa phương, còn thiếu nhiều lao động phục vụ phát triển ngành cần thiết cho quá trình chuyển đổi số. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực, phân tích thành công và hạn chế, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực thời gian tới.

**Từ khóa:** Giáo dục đại học, nhân lực chất lượng cao, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Phân loại ngành:** Kinh tế

**Abstract:** Over the past time, higher education has had a strong development, training highly qualified human resources in large numbers, serving socio-economic development, making important contributions to the cause of accelerating industrialization, modernize the country. However, the quality of human resource training, especially high-quality human resources of Vietnamese higher education, is still low compared to practical requirements, the training structure is not reasonable between labor professions and industries. In the locality, there is still a shortage of many workers for industry development necessary for the digital transformation process. The article assesses the current situation of higher education development, human resource training, analyzes successes and limitations, and proposes solutions to improve the quality of human resource training in the coming time.

**Keywords:** Higher education, high quality human resources, industrialization and modernization.

**Subject classification:** Economics

## 1. Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực trình độ cao là sản phẩm trực tiếp của giáo dục đại học, đóng vai trò to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng và Chính phủ đã có chủ trương phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong quá trình phát triển, giáo dục đại học đã đạt được kết quả quan trọng. Lần đầu tiên, Việt Nam có một số trường đại học được xếp hạng vào top các trường đại học tốt nhất của khu vực và thế giới, đào tạo ra nguồn lực lao động đông đảo trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bên cạnh thành tựu đã đạt được, giáo dục đại học Việt Nam còn nhiều điểm phải khắc phục về cơ cấu đào tạo, chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng. Nghiên cứu sự phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực, đánh giá khách quan thực trạng vấn đề, từ đó

---

\* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.  
Email: ngvn.ha9@gmail.com

đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cần thiết và có ý nghĩa sâu sắc.

Bài viết kết hợp phương pháp định tính và định lượng để đánh giá thực trạng giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn hiện nay. Phân tích các số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm, bài viết thu được kết quả về sự phát triển của giáo dục đại học. Phân tích các nghiên cứu về nguồn nhân lực trình độ cao của Việt Nam, lấy đó là cơ sở đánh giá thành công và hạn chế trong đào tạo nguồn nhân lực của giáo dục đại học. Từ thực trạng phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực, bài viết đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn tiếp theo.

## 2. Chính sách phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực

Giáo dục đại học là nguồn cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao để phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời “góp phần vào phát triển di sản văn hóa, khoa học và tinh thần mà xã hội đã tích lũy được” (Lê Văn Giảng, 2001: 43), vì vậy, một quốc gia muốn phát triển bền vững phải có hệ thống giáo dục đại học tốt. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng, Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực, trong đó phải kể đến: Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về *Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*, ngày 24/12/1996; Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về *đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, ngày 02/11/2005; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, ngày 4/11/2013.

Thực hiện chủ trương phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực của Đảng, *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010* của Chính phủ nêu rõ “Phát triển giáo dục là nền tảng, nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững” (Thủ tướng Chính phủ, 2001). Kế thừa thành quả phát triển giáo dục giai đoạn 2001-2010, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số: 771/QĐ-TTg, ngày 13/6/2012 phê duyệt *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020* trong đó xác định mục tiêu của giáo dục đại học là: “đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học; điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội” (Thủ tướng Chính phủ, 2012). Gần đây, Chính phủ ra Quyết định số: 69/QĐ-TTg phê duyệt *Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025*, ngày 15/01/2019.

Điểm nổi bật của chính sách phát triển giáo dục trong các văn kiện trên là xác định vai trò, tầm quan trọng của giáo dục đại học đối với việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Đồng thời đưa ra các giải pháp mang tính đột phá về đổi mới quản trị đại học, đẩy mạnh kiểm định chất lượng, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế để phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng (tháng 01/2021) khẳng định: Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước, từ đó đề ra nhiệm vụ của giáo dục là “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của Cách mạng

công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1: 231).

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực quốc gia là xây dựng, tăng cường đội ngũ lao động của một quốc gia. Trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc ứng dụng khoa học công nghệ đã làm thay đổi nhu cầu nguồn nhân lực quốc gia theo hướng chuyên môn hoá, sử dụng công nghệ để thay thế lao động. Vì vậy, yêu cầu đối với người lao động cũng ngày càng cao, phải có tri thức bậc cao, có kỹ năng chuyên môn sâu, ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc. Điều đó đã đặt ra yêu cầu cao hơn đối với giáo dục đại học. Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế, công dân toàn cầu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1: 232-233).

Như vậy, điểm mới của Đại hội XIII là nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa nâng cao chất lượng giáo dục đại học với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng đến việc đào tạo toàn diện, đồng thời phát triển năng lực và phẩm chất người học, chuyển đổi cơ cấu đào tạo, đào tạo nguồn nhân lực theo hướng chuyên môn hóa đáp ứng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và có khả năng tham gia thị trường lao động quốc tế.

### **3. Thực trạng phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực**

#### *3.1. Kết quả đạt được về phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực*

Một là, hình thành mạng lưới giáo dục đại học trên toàn quốc, quy mô giáo dục phát triển mạnh, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao với số lượng lớn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện chủ trương phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, giáo dục đại học đã phát triển mạnh mẽ về quy mô. Năm 2020 “cả nước đã có 237 trường đại học (172 trường công lập, 65 trường ngoài công lập)” (Phụ lục 1). Hình thành các trung tâm đại học lớn là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, trong đó có 2 đại học quốc gia là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, nhiều trường có cơ sở vật chất hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, có chương trình đào tạo tiên tiến được xếp thứ hạng trên thế giới. Theo tổ chức xếp hạng QS (Quacquarelli Symonds - Anh) năm 2022, “Việt Nam có 2 đại diện trong bảng xếp hạng giáo dục đại học thế giới là Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc nhóm 801-1000. Năm 2022, trong số 1.300 trường tham gia xếp hạng, trường Đại học Tôn Đức Thắng xếp nhóm 1001-1200 và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội xếp nhóm 1201” (Thúy Nga, 2021).

Mạng lưới giáo dục đại học được phủ khắp toàn quốc. Một số tỉnh ở miền núi, vùng sâu, vùng xa không thành lập được trường đại học thì trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh thực hiện liên kết để đào tạo đại học. Loại hình đào tạo đa dạng (chính quy, vừa làm vừa học, từ xa) để cho mọi người dân có thể tiếp cận được giáo dục đại học. Ngoài chương trình chuẩn, cơ sở giáo dục triển khai các chương trình đào tạo tài năng, tiên tiến, chất lượng cao, do đó số lượng sinh viên tăng mạnh. Năm 2020, cả nước có 1.672.881 sinh viên các hệ. Trước sự lớn mạnh của hệ thống giáo dục đại học trong nước, việc đào tạo trình độ sau đại học được đẩy mạnh. Năm 2020, có 105.974 học viên cao học và nghiên cứu sinh. Mỗi năm hàng trăm nghìn sinh viên các hệ tốt nghiệp đại học cung cấp cho thị trường lao động, riêng năm 2019 có 311.599 sinh viên (Phụ lục 1). Sự phát triển của giáo dục đại học góp phần quyết định đến việc nâng cao trình độ nguồn nhân lực lao động của đất nước, phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, cùng với việc phát triển số lượng người học, giáo dục đại học từng bước nâng cao chất lượng đào tạo để tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực như: trình độ khoa học công nghệ, dân số, y tế, chăm sóc sức khỏe... nhưng trực tiếp nhất là giáo dục và đào tạo. Nguồn nhân lực trình độ cao là sản phẩm trực tiếp của giáo dục đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học là tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học thể hiện các hoạt động sau:

*Thứ nhất*, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD). Đây là một trong yếu tố quyết định đến việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Có thầy tốt mới đào tạo ra trò tốt. Giáo dục đại học có nhiều chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng giảng viên. Trước yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng, ngày 19/4/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 322/QĐ-TTg về việc phê chuẩn *Đề án Đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước* (Gọi tắt là Đề án 322). Sau khi Đề án 322 kết thúc, ngày 7/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định Phê duyệt Đề án số 911/QĐ-TTg về *Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020* (Gọi tắt là Đề án số 911), với mục tiêu đến năm 2020 bổ sung được 23.000 tiến sĩ mới (gồm 10.000 tiến sĩ đào tạo trong nước, 10.000 tiến sĩ đào tạo nước ngoài và 3.000 tiến sĩ theo phương thức đào tạo phối hợp). Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt *Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030* (Gọi tắt là Đề 89), với mục tiêu “xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển khoa học, công nghệ cho đất nước, gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (Thủ tướng Chính phủ, 2019).

Giảng viên, cán bộ, sinh viên theo học các đề án trên có trình độ ngoại ngữ tốt, phát huy được năng lực chuyên môn đã đào tạo, góp phần tích cực trong việc đổi mới giáo trình, xây dựng chương trình mới, phương pháp giảng dạy tiên tiến, tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác nghiên cứu, giúp cho các trường đại học Việt Nam từng bước thực hiện đổi mới giáo dục đại học và sau đại học.

Việc tăng cường đào tạo đã làm cho đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng lên đáng kể. Những năm đầu đổi mới giáo dục, tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ trong giáo dục đại học ở Việt Nam là rất thấp. Tổng số cán bộ giảng dạy toàn ngành là 20.637 người, trong đó giáo sư chiếm 0,6%, phó giáo sư chiếm 2,97%, tiến sĩ chiếm 0,86%, phó tiến sĩ chiếm 11,24% (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1995: 338). Đến năm 2020, giáo dục đại học có 848 cán bộ quản lý; 73.132 giảng viên cơ hữu, trong đó có 542 giáo sư chiếm 0,74%, 4.323 phó giáo sư chiếm gần 6%, 21.977 tiến sĩ chiếm 30%, 44.119 thạc sĩ chiếm 60% (Phụ lục 1).

Đội ngũ giảng viên đại học được bồi dưỡng nội dung về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Quy trình, quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ. Phương pháp biên soạn chương trình, tài liệu, đề cương bài giảng theo đào tạo tín chỉ, quy chuẩn kiểm định chất lượng, xây dựng và triển khai chuẩn chương trình đào tạo tiệm cận các chuẩn mực khu vực và quốc tế. Các phương pháp và hình tổ chức tổ chức dạy học theo hướng tích cực, phát huy tính độc lập, sáng tạo, tự chủ và tự nghiên cứu của người học.

Đội ngũ CBQLGD là những nhà giáo được bổ nhiệm, điều động sang làm công tác quản lý, phần đông trong số họ là những người năng động, thích ứng nhanh với sự đổi mới. Họ được đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý, quản trị hiện đại, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý.

Chất lượng của đội ngũ giảng viên và CBQLGD đã góp phần quyết định đến thành quả của sự nghiệp giáo dục đại học những năm qua. Đặc biệt, năm học vừa qua, trong bối cảnh chịu nhiều

ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid-19, đội ngũ giảng viên và CBQLGD đã chủ động, kịp thời đề ra phương án quản lý, tổ chức dạy học phù hợp. Các hoạt động giáo dục đều thực hiện bằng hình thức online hoặc trực tuyến, nên việc học tập của sinh viên không bị gián đoạn, số lượng sinh viên tốt nghiệp vẫn theo kế hoạch để cung cấp nguồn lực cho xã hội.

*Thứ hai*, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Giáo dục đại học đẩy mạnh nghiên cứu khoa học theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu để người học có tư duy khoa học, có khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Ngoài chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về khoa học giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nhiều chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ có sự tham gia của học viên. Số lượng bài báo quốc tế là sản phẩm của các đề tài, dự án, chương trình khoa học cấp bộ của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tăng đáng kể. Giai đoạn 2016-2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã “triển khai được 18 chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, do các đơn vị có tiềm lực nghiên cứu mạnh chủ trì. Trong năm học 2019-2020, trong số 243 cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ trên cả nước đã thực hiện 3.088 hợp đồng chuyển giao công nghệ, 67 bằng độc quyền sáng chế và 137 bằng độc quyền giải pháp hữu ích” (Mạnh Xuân, 2021). Một số đề tài nghiên cứu của các trường đại học đã giải quyết các vấn đề bức thiết từ thực tiễn phòng chống dịch Covid-19, như sản xuất nước rửa tay khô, nghiên cứu chế tạo buồng khử khuẩn toàn thân di động.

Nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học trong 10 năm trở lại đây rất chú trọng đến công bố quốc tế, coi đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy hội nhập giáo dục, nâng cao thứ bậc xếp hạng của các cơ sở giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đều có chính sách hỗ trợ cho cá nhân, nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế trên các tạp chí uy tín trên thế giới. Do đó, số lượng bài báo đăng trên tạp chí Scopus, ISI tăng mạnh. Trong 10 năm từ năm 2009 đến năm 2018, số lượng các công bố quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam thuộc Scopus đã tăng 4,7 lần, từ 1.764 bài công bố vào năm 2009, lên đến 8.234 bài năm 2018. Riêng “năm 2020 cả nước có 17.028 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục Scopus, ISI (tăng hơn năm 2019 là 4.462 bài); trong đó, số công trình công bố của các cơ sở giáo dục đại học là 16.346 bài, chiếm 94,3% trong cả nước” (Thanh Hùng, 2020).

Kết quả nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội; đồng thời nâng cao tiềm lực khoa và công nghệ quốc gia, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

Thực hiện hợp tác quốc tế, giáo dục đại học đã mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở giáo dục nước ngoài bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau. Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác giáo dục với hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, với khoảng gần 200.000 du học sinh đang học tập ở các nước, trong đó tập trung ở nhiều nước có nền giáo dục phát triển hàng đầu như Mỹ, Anh, Úc (Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2020). Đang có “70 cơ sở giáo dục đại học thực hiện hơn 450 chương trình liên kết đào tạo quốc tế, tuyển được tổng số 86.000 sinh viên, học viên nước ngoài đến học tại Việt Nam. Riêng năm học 2019-2020 là 21.000 du học sinh từ 67 quốc gia trên thế giới đến học tập tại Việt Nam, trong đó có 14.400 sinh viên theo học các chương trình đào tạo từ đại học trở lên” (Lê Hà, 2021). Chương trình liên kết đào tạo quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học giúp người học tiếp cận tri thức khoa học tiên tiến trên thế giới, tăng cường hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trên thế giới.

*Thứ ba*, chương trình đào tạo được đổi mới, công tác kiểm định chất lượng được đẩy mạnh để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng thị trường lao động. Từ khi tiến hành đổi mới giáo dục (năm 1986) đến nay, giáo dục đại học Việt Nam chuyển đổi từ quản lý và đào tạo theo niên chế (phương pháp đào tạo của các nước xã hội chủ nghĩa), đến năm 1988 áp dụng học chế học phần. Giai đoạn hiện nay,

ngoài áp dụng học chế học phần, các cơ sở giáo dục đang đẩy mạnh quản lý và đào tạo theo tín chỉ để thực hiện hội nhập quốc tế, thuận lợi trong việc công nhận bằng cấp giữa các trường đại học liên kết. Quá trình chuyển đổi quản lý và đào tạo là sự đổi mới về chế độ thi cử, chế độ tuyển sinh, xây dựng phương pháp, quy trình và hệ thống đánh giá chất lượng đào tạo, chất lượng giảng viên, chất lượng sinh viên một cách khách quan. Khung chương trình đào tạo đổi mới theo hướng tinh giảm phần lý thuyết, tăng kiến thức thực hành; chú trọng đến kỹ năng sống, kỹ năng mềm.

Gắn với đổi mới chương trình đào tạo là đẩy mạnh kiểm định chất lượng nhằm đạt được những chuẩn mực nhất định trong đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng nguồn nhân lực và đảm bảo quyền lợi cho người học. Các tiêu chí trong kiểm định chất lượng đã tạo áp lực để các cơ sở giáo dục tổ chức đào tạo một cách bài bản, khoa học và tìm giải pháp nâng cao chất lượng. Việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, quản trị đại học được thực hiện bài bản hơn. Cả nước đã có “495 chương trình đào tạo được kiểm định, trong đó có 279 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước của 57 cơ sở giáo dục đại học; 216 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài của 36 cơ sở giáo dục đại học” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021a).

Như vậy, chất lượng đào tạo của giáo dục đại học từng bước được cải thiện, “đã có sự chuyển biến tích cực từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng hiệu quả; đào tạo và nghiên cứu khoa học ở nhiều trường đại học đã gần hơn với đòi hỏi thực tiễn và chuẩn mực thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2020: 43-44), theo đó, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, hiệu quả năng suất lao động được cải thiện rõ rệt. Một bộ phận sinh viên ra trường ra đã năng động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp và có tính thích ứng cao trên con đường lập thân, lập nghiệp. Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam được cải thiện đã góp phần nâng cao năng suất lao động của Việt Nam trong thời gian qua. Năm 2020, “năng suất lao động toàn nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 117,9 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động); tính theo giá so sánh, tăng 5,4% so với năm 2019. Bình quân giai đoạn 2016-2020, năng suất lao động tăng 5,78%/năm, cao hơn so với mức tăng bình quân 4,35%/năm của giai đoạn 2011-2015. Tính chung giai đoạn 2011-2020, năng suất lao động tăng bình quân 5,07%/năm” (Nguyễn Thúy Quỳnh, 2021).

### 3.2. Một số hạn chế

Bên cạnh thành công như đã nêu trên, việc đào tạo nguồn nhân lực của giáo dục đại học Việt Nam còn có hạn chế sau:

*Một là*, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của giáo dục đại học Việt Nam còn thấp so với yêu cầu thực tiễn. Giáo dục đại học có bước phát triển mạnh mẽ về quy mô, nhưng nhìn chung chất lượng đào tạo chưa cao. Đào tạo còn thiếu gắn kết với sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Hệ thống đánh giá kết quả giáo dục đang quá trình hoàn thiện, một bộ phận không nhỏ sinh viên còn đối phó trong thi cử. Khả năng sáng tạo, tự học, tự chủ của sinh viên Việt Nam còn hạn chế. Cơ cấu đào tạo chưa hợp lý, nhà trường vẫn đào tạo những gì mình có, chưa đào tạo những gì doanh nghiệp cần. Ví dụ, thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh đang có sự nghịch lý là “Thừa lao động không phù hợp những ngành nghề nằm trong định hướng phát triển, nhưng lại rất thiếu nhân lực chất lượng cao ở những ngành cần thiết cho sự phát triển như kinh doanh tài chính, kiểm toán, công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, cơ khí chế tạo... Có hơn 70% số sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa được trang bị tốt về chuyên môn cũng như kỹ năng mềm, trình độ ngoại ngữ để tiếp cận công việc. Hàng năm, các công ty phải bỏ ra hàng trăm nghìn USD để đưa người lao động đi đào tạo lại, vì nguồn nhân lực tuyển vào không đáp ứng được yêu cầu công việc” (Mai Thanh Hằng, 2021). Chất lượng giáo dục đại học là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến năng suất lao động của Việt Nam vẫn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và khoảng cách chênh lệch này vẫn tiếp gia tăng. Năng suất của lao động Việt Nam “thuộc nhóm thấp ở châu Á - Thái Bình Dương và ở ASEAN: Chỉ bằng 1/15 so với Xin-ga-po; bằng 1/5

Ma-lai-xi-a và 2/5 Thái-lan, gần 1/2 của Indonesia, gần 3/5 của Philippine, gần 7/10 của Brunei, bằng gần 9/10 của Lào, chỉ cao hơn Campuchia; chưa kể so sánh với năng suất lao động của Nhật Bản, Hàn Quốc” (Trần Quốc Toàn, 2022).

*Hai là*, có lúc, có nơi không vận dụng phù hợp hiệu quả các yếu tố tích cực của kinh tế thị trường dẫn đến giáo dục đại học còn “chạy theo lợi nhuận, để các mặt tiêu cực của kinh tế thị trường tác động xấu đến giáo dục - đào tạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2020: 45). Chủ trương phát triển giáo dục đại học trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là để các cơ sở giáo dục đại học cạnh tranh lành mạnh, từ đó nâng cao chất lượng. Nhưng trong thực tiễn thì không như mong muốn, yếu tố tiêu cực của kinh tế thị trường tác động đến quá trình vận hành của giáo dục đại học. Hiện tượng học giả bằng thật, có trường đại học “mượn tên, thuê viết bài báo khoa học quốc tế” để nâng bậc xếp hạng; suy thoái về đạo đức, lối sống của một số cán bộ, giảng viên, thậm chí có trường hợp phải truy tố hình sự mà báo chí đã nêu. Việc quản lý chưa tốt, nên không ít cơ sở giáo dục mở rộng quy mô đào tạo là vì lợi nhuận là chủ yếu, chưa vì chất lượng và không căn cứ vào nhu cầu thực tiễn và các điều kiện đảm bảo chất lượng. Việc mở rộng quy mô đào tạo nhưng chất lượng thấp, thì việc tăng về quy mô không có ý nghĩa, gây ra tốn kém, lãng phí lớn; mặt khác, tạo cơ hội thăng tiến cho những người mắc bệnh hình thức, hư danh, chạy theo bằng cấp.

*Ba là*, giáo dục đại học chưa là trung tâm nghiên cứu khoa học; hiệu quả công tác tư vấn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế. Công tác nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng chưa gắn bó chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển khoa học của các trường đại học với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, nhất là loại hình kinh tế, dịch vụ mới, hiện đại, nên còn ít đề tài bám sát yêu cầu sản xuất và đời sống. Không ít đề tài khoa học chỉ để trưng bày, không mấy người đọc. Đội ngũ giảng viên đại học còn thiếu các chuyên gia đầu ngành, “các tập thể khoa học mạnh có khả năng dẫn dắt các hướng nghiên cứu mới hoặc chỉ đạo triển khai nhiệm vụ quốc gia ở trình độ quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2020: 52).

#### **4. Giải pháp phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời gian tới**

Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Giáo dục đại học cung cấp được một lượng lớn nguồn nhân lực trình độ cao, có năng lực làm việc tốt trong môi trường lao động trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng và năng suất lao động, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh của quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Giáo dục đại học cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

##### *4.1. Phân tích và dự báo cung - cầu nguồn nhân lực trình độ cao làm cơ sở cho các trường đại học xây dựng chiến lược đào tạo*

Hiện tại, chỉ tiêu tuyển sinh đại học chủ yếu dựa vào năng lực của nhà trường (đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất), chưa dựa trên nhu cầu trước mắt và dài hạn của thị trường. Có một số ngành học được gọi là “hot” trong giai đoạn trước mắt, thí sinh đăng ký rất nhiều, điểm đầu vào rất cao, nhưng sau bốn đến năm năm học ra trường, nhu cầu lao động ngành đó giảm, dẫn đến tình trạng sinh viên giỏi khó tìm được việc làm và khởi nghiệp. Vì vậy, phân tích và dự báo cung - cầu nguồn nhân lực là rất quan trọng làm cơ sở cho các trường đại học xây dựng chiến lược đào tạo. Để có dự báo đúng nhu cầu thị trường lao động, đòi hỏi phải có cơ chế phối hợp của nhà quản lý, cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan dự báo cung - cầu, các cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp.

Cần thiết phải hình thành cơ quan chuyên trách làm nhiệm vụ khảo sát, đánh giá thực trạng chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao ở Việt Nam, xác định được ngành thừa, ngành thiếu, điểm yếu của nguồn nhân lực chất lượng cao, đề xuất các giải pháp khắc phục; đồng thời xác định nhu cầu

trước mắt và lâu dài về nguồn nhân lực. Đào tạo nguồn nhân lực cần gắn với thực tế đơn vị sử dụng lao động. Các đơn vị sử dụng lao động thông tin các yêu cầu về nguồn nhân lực, đưa ra các đặt hàng cụ thể làm cơ sở cho các trường đại học xây dựng cơ cấu đào tạo hợp lý, đào tạo ra lao động có trình độ, chuyên môn phù hợp.

*4.2. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa cơ sở đại học với doanh nghiệp theo hướng đề cao vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp để gắn kết đào tạo với nhu cầu của xã hội*

Hiện nay, vẫn còn quan niệm việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc về cơ sở đào tạo là chính, doanh nghiệp tham gia với vai trò là hỗ trợ. Vai trò của doanh nghiệp không chỉ là tham gia xây dựng khung chương trình, tham gia hội đồng trường..., mà phải coi như một khâu của quá trình đào tạo. Việc liên kết, hợp tác giữa đại học và doanh nghiệp, cần đẩy mạnh các hình thức liên kết sau:

Các trường đại học hợp tác với các tập đoàn lớn, thực hiện các dự án liên kết giữa các nhà khoa học và các doanh nghiệp cùng tiến hành, đem lại lợi ích trực tiếp cho doanh nghiệp. Chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong doanh nghiệp. Đưa sinh viên đến các doanh nghiệp làm việc, gắn đào tạo với thực hành, giúp sinh viên trải nghiệm thực tiễn để hiểu rõ hơn lý thuyết được đào tạo ở trường học. Các trường đại học đưa giảng viên tới doanh nghiệp làm việc, nghiên cứu thực tiễn để xây dựng quan hệ, chia sẻ quan điểm và nắm bắt thực tế để bổ sung cho lý thuyết. Các chuyên gia của doanh nghiệp tham gia vào xây dựng chương trình và trực tiếp giảng dạy môn học ở cơ sở đại học để cập nhật được tính thực tiễn trong chương trình đào tạo, giúp người học thích ứng với thị trường lao động, qua đó nâng cao chất lượng của cơ sở đào tạo. Tăng cường giao tiếp, trao đổi giữa trường đại học với doanh nghiệp để người học nắm bắt kịp sự vận động biến đổi không ngừng của thực tiễn nhằm kích thích tinh thần sáng tạo, chủ động của người dạy và người học. Đưa người học thoát khỏi tư duy lối mòn là học xong ra trường xin việc, mà học để lập thân, lập nghiệp, sáng nghiệp, khởi nghiệp. Trường đại học mời những người thành đạt trong giới doanh nghiệp tham gia vào hội đồng trường, giúp nhà trường ra các quyết sách về chiến lược phát triển.

*4.3. Nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng, gắn trường học với thực tiễn*

Tập trung nguồn lực cho nghiên cứu khoa học và đầu tư có trọng điểm cho một số cơ sở giáo dục đại học có kết quả nghiên cứu nổi bật, tạo ra những hướng nghiên cứu mũi nhọn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Cân đối các lĩnh vực nghiên cứu, hướng nghiên cứu, khắc phục hiện tượng tập trung cho công bố quốc tế để tăng thứ hạng của cơ sở giáo dục, mà coi nhẹ hướng nghiên cứu khoa học ứng dụng tại địa phương, thực tiễn của đất nước. Khuyến khích mạnh các nghiên cứu có tính ứng dụng cao, giải quyết được những vấn đề thực tiễn đặt ra; đẩy mạnh chuyển giao các kết quả nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học cho doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội để đào tạo ra nguồn nhân lực có khả năng tiếp cận tri thức của nhân loại giải quyết những vấn đề thực tiễn của Việt Nam.

*4.4. Thực hiện tốt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025, ngày 15/01/2019 của Chính phủ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*

Đẩy mạnh thực hiện tự chủ, đổi mới quản trị giáo dục đại học gắn với cơ chế quản lý và giám sát hiệu quả. Đổi mới công tác quản trị, giảm can thiệp hành chính từ các cơ quan nhà nước, bảo đảm tăng cường minh bạch, công khai; chuyển từ mô hình quản lý sang quản trị có hiệu quả. Xây dựng và triển khai chuẩn chương trình đào tạo tiệm cận các chuẩn mực khu vực và quốc tế, từ đó tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo



xu thế chung của phát triển giáo dục đại học, đổi mới phương pháp dạy và học, đào tạo dựa trên nhu cầu năng lực để đào tạo ra người lao động có kiến thức nền tảng chuyên môn vững chắc, có năng lực tự học, thích ứng trong môi trường quốc tế. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng chuyên sâu liên quan tới công nghệ thông tin và kỹ thuật số. Hỗ trợ và khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học đầu tư phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở các lĩnh vực ưu tiên như công nghệ thông tin, du lịch, nông nghiệp xanh, tạo nguồn nhân lực cạnh tranh trong khu vực và quốc tế (Thủ tướng Chính phủ, 2019).

## 5. Kết luận

Thời gian qua, giáo dục đại học đã thực hiện đổi mới quản trị theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục, đẩy mạnh kiểm định chất lượng, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, tăng cường nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế để phát triển giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện nhiệm vụ trên, quy mô giáo dục đại học phát triển mạnh, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao với số lượng lớn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của giáo dục đại học Việt Nam còn thấp so với yêu cầu thực tiễn, cơ cấu đào tạo chưa hợp lý giữa các ngành nghề lao động và các địa phương, còn thiếu nhiều lao động phục vụ phát triển ngành cần thiết cho quá trình chuyển đổi số. Hiệu quả công tác tư vấn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế.

Để giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, có khả năng tham gia thị trường lao động quốc tế, cần làm tốt công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động làm cơ sở cho các trường đại học xây dựng chiến lược đào tạo; đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, trong đó đề cao vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng tốt hơn thị trường lao động; nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng gắn trường học với thực tiễn xã hội; thực hiện tốt Đề án *Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025*, ngày 15/01/2019 của Chính phủ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (1995). *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945- 1995)*. Nxb. Giáo dục.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (13/10/2021a). Danh sách các chương trình đào tạo được đánh giá/công nhận (cập nhật đến ngày 30/9/2021) <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giaoduc/Pages/Default.aspx?ItemID=7562>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (28/6/2021b). Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2019-2020, <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ko-giao-duc-dai-hoc.aspx?ItemID=7389>
- Báo điện tử Đảng Cộng sản. (09/12/2011). Đề án 322 góp phần từng bước thực hiện đổi mới giáo dục đại học và sau đại học. <https://dangcongsan.vn/y-te/de-an-322-gop-phan-tung-buoc-thuc-hien-doi-moi-giao-duc-dai-hoc-va-sau-dai-hoc-103433.html>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2020). *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1, 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Lê Văn Giảng. (2001). *Những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học giáo dục*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Lê Hà. (14/2/2021). *Giáo dục chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế. Nhân dân*. <https://nhandan.vn/dien-dan-giao-duc/giao-duc-chu-dong-hoi-nhap-va-nang-cao-hieu-qua-hop-tac-quoc-te-635395/>

Mai Thanh Hằng. (4/8/2021). Thực trạng và đề xuất một số giải pháp về nguồn lao động chất lượng cao của Việt Nam. *Công Thương*. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-de-xuat-mot-so-giai-phap-ve-nguon-lao-dong-chat-luong-cao-cua-viet-nam-82693.htm>

Mạnh Xuân, Bạch Dương. (05/01/2021). Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học. *Nhân dân*. <https://nhandan.vn/tin-tuc-giao-duc/thuc-day-nghien-cuu-khoa-hoc-trong-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc-630653>

Nguyễn Thúy Quỳnh. (28/10/2021). *Chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam. Cổng Thông tin điện tử Viện Chiến lược và Chính sách tài chính*. [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvstc/pages\\_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM212408](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM212408)

Thủ tướng Chính phủ. (2001). *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 201/2001/ QĐ-TTg, ngày 28/12/2001 về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*.

Thủ tướng Chính phủ. (2012). *Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020*.

Thủ tướng Chính phủ. (2019). *Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030*.

Thanh Hùng. (15/12/2020). Việt Nam có hơn 17.000 bài báo quốc tế được công bố năm 2020. *Thế giới và Việt Nam*. <https://baoquocte.vn/viet-nam-co-hon-17000-bai-bao-quoc-te-duoc-cong-bo-nam-2020-131538.html>

Thúy Nga. (09/6/2021). Hai đại học Việt Nam lọt top 1000 đại học tốt nhất thế giới. *Vietnamnet.vn*. <https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/du-hoc/2-dai-hoc-viet-nam-lot-top-1-000-dai-hoc-tot-nhat-the-gioi-nam-2022-theo-qs-744130.html#inner-article>

Trung tâm Truyền thông Giáo dục. (24/7/2020). Thúc đẩy cơ hội học tập chương trình giáo dục quốc tế tại Việt Nam. *Bộ Giáo dục và Đào tạo*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=6802>

Trần Quốc Toản. (05/4/2022). Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Thực trạng, vấn đề và giải pháp (phần 1). *Trang Thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương*. <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/phan-trien-nguon-nhan-luc-dap-ung-yeu-cau-phuc-hoi-va-phan-trien-kinh-te-xa-hoi-thuc-trang-van-de-va-giai-phap-phan-1.html>

**Phụ lục 1: Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2019 - 2020**

(Số liệu không bao gồm các trường đại học, học viện thuộc khối An ninh, Quốc phòng)

		Năm học 2018-2019			Năm học 2019 - 2020		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập
1	Số trường	237	172	65	237	172	65
2	Sinh viên tuyển mới đại học	413.277	324.707	88.570	447.483	350.186	97.297
	- Chính quy	360.140	275.961	84.179	398.152	302.656	95.496
	- Vừa làm vừa học	39.381	35.986	3.395	36.156	34.544	1.612
	- Đào tạo từ xa	13.756	12.760	996	13.175	12.986	189
3	Tuyển mới thạc sĩ, tiến sĩ	43.656	37.519	6.137	36.925	32.019	4.906
	- Học viên cao học	42.160	36.237	5.923	36.022	31.133	4.889
	- Nghiên cứu sinh	1.496	1.282	214	903	886	17

Khoa học xã hội Việt Nam, số 2 - 2023

4	Quy mô sinh viên đại học	1.526.111	1.261.529	264.582	1.672.881	1.359.402	313.479
	- Nữ	780.289	641.744	138.545	912.660	743.272	169.388
	- Dân tộc thiểu số	89.078	78.141	10.937	103.181	89.650	13.531
	<i>Chia theo hình thức đào tạo</i>						
	- Chính quy	1.346.545	1.090.547	255.998	1.514.862	1.210.300	304.562
	- Vừa làm vừa học	144.211	136.315	7.896	118.419	110.493	7.926
	- Đào tạo từ xa	35.355	34.667	688	39.600	38.609	991
5	Quy mô đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ,	108.134	95.464	12.670	105.974	93.527	12.447
	- Học viên cao học	97.134	84.706	12.428	94.920	82.723	12.197
	- Nghiên cứu sinh	11.000	10.758	242	11.054	10.804	250
6	Sinh viên tốt nghiệp đại học	311.599	266.970	44.629	263.172	218.251	44.921
	- Chính quy	267.521	223.927	43.594	227.600	185.218	42.382
	- Vừa làm vừa học	36.638	35.618	1.020	27.470	25.241	2.229
	- Đào tạo từ xa	7.440	7.425	15	8.102	7.792	310
7	Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên	83.587	64.772	18.815	85.091	65.948	19.143
7.1	Cán bộ quản lý	727	543	184	848	630	218
7.2	Nhân viên	9.548	7.244	2.304	11.111	8.328	2.783
7.3	Giảng viên cơ hữu	73.312	56.985	16.327	73.132	56.990	16.142
	Trong, tổng số: - Nữ	36.808	29.107	7.701	36.421	28.786	7.635
	Dân tộc thiểu số	1.040	883	157	1.202	966	236
	- Giáo sư	519	379	140	542	436	106
	- Phó giáo sư	4.139	3.525	614	4.323	3.795	528
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>						
	Tiến sĩ	21.106	17.336	3.770	21.977	18.317	3.660
	Thạc sĩ	44.705	35.123	9.582	44.119	34.054	10.065
	Đại học	7.489	4.516	2.973	6.543	4.433	2.110
	Trình độ khác	12	10	2	493	413	80

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021b